

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/DS-ST

Ngày: 08-6-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và bảo lãnh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Tấn Đồng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành Long**

2. Ông **Nguyễn Văn Phẩm**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoài Bảo**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bảo lãnh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST –DS, ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông **Quang Văn H**, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ cư trú ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thùy C**, sinh năm 1976

Địa chỉ cư trú số 68/10C P, Phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Chị **Lê Thị Hồng L**, sinh năm 1994

Địa chỉ cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Ông **Lê Hữu H**, sinh năm 1950

Địa chỉ cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông **Lê Hữu H**: Ông **Trần Hoàng T**, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú số 67/31G, Phó Cơ Đ, Phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3.2. Anh **Trương Hùng L**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

3.3. Ông **Trương Văn H**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

3.4. Bà Lê Thị T, sinh năm 1964 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 8 năm 2022 của nguyên đơn ông Quang Văn H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà Nguyễn Thị Thùy C trình bày: Vào ngày 27/02/2021, ông H có cho chị Lê Thị H Lý vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất là 3% tháng (lãi suất chỉ thỏa thuận bằng lời nói). Hai bên có lập hợp đồng bằng văn bản và hợp đồng được công chứng. Ông H đã đưa đủ số tiền 500.000.000 đồng cho chị L tại Văn phòng công chứng khi hai bên ký hợp đồng vay. Lúc nhận tiền có mặt anh Trương Hùng L là chồng chị L.

Đồng thời, khi vay tiền thì chị L có thể chấp cho ông H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 176, tờ bản đồ số 09, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, đất do ông Lê Hữu H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi vay tiền thì chị L có trả tiền lãi cho ông H được 02 tháng.

Sau đó, đến ngày 27/4/2021 ông H tiếp tục cho chị L vay thêm số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất 3% tháng (lãi suất chỉ thỏa thuận bằng lời nói) và hai bên cũng lập hợp đồng bằng văn bản có công chứng. Tuy nhiên, đến ngày 28/4/2021 thì ông H mới giao số tiền 500.000.000 đồng cho chị L. Khi giao nhận tiền do có mặt chồng chị L là Trương Hùng L và vợ chồng ông Trương Văn H và bà Lê Thị T, là cha mẹ ruột của anh L nên ông H đã yêu cầu chị L, anh L, ông H và bà T làm giấy bảo lãnh, theo đó các bên thỏa thuận ông H cho chị L và anh L trả lại mỗi ngày số tiền 10.000.000 đồng và trả trong 50 ngày. Trường hợp, chị L và anh L không trả hoặc trả trễ thì ông H và bà T sẽ trả thay số tiền trên. Từ khi vay tiền đến nay thì chị L và anh L không trả tiền lãi và cũng không trả tiền vốn cho ông H mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu chị L và anh L trả lại tiền cho ông.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu chị L, anh L và ông H có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vốn vay là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/5/2021 đến ngày 27/8/2022 là 450.000.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 1.450.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi, với mức lãi suất 3%/tháng, tính từ ngày 28/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Trường hợp chị L, anh L và ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ông H yêu cầu ông H và bà T có nghĩa vụ trả nợ thay số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi theo cam kết trong giấy bảo lãnh ngày 28/04/2021.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H và ông H có thỏa thuận là ông H có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền là 250.000.000 đồng, thời hạn trả là 04 tháng, khi nào ông H trả đủ tiền thì ông Hoàng sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hạnh, sự thỏa thuận trên sẽ do ông H và ông H tự thực hiện giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do giữa ông H và ông H có sự thỏa thuận như trên nên ông H có thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ông H có nghĩa vụ liên đới cùng với chị L và anh L trả cho ông số tiền vốn là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và tiền lãi là 450.000.000 đồng.

Ông H yêu cầu chị L và anh L có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, với lãi suất 10%/năm theo hợp đồng vay tiền ngày 27/02/2021.

Đồng thời, ông H yêu cầu ông H và bà T là người bảo lãnh có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, với lãi suất 10%/năm theo giấy bảo lãnh ngày 28/4/2021.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 24 tháng 02 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Hữu H và ông Trần Hoàng T cùng trình bày: Giữa ông H và ông H đã thỏa thuận ông H có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền là 250.000.000 đồng, thời hạn trả là 04 tháng, khi nào ông H trả đủ số tiền thì ông H sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, sự thỏa thuận trên sẽ do ông H và ông H tự thực hiện giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại ông H đã thay đổi yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ông H cùng có nghĩa vụ liên đới với chị L và anh L trả cho ông H số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và tiền lãi. Do ông H đã thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với ông H nên ông H không có quyền và nghĩa vụ trong vụ án này nên ông H và ông T đề nghị được vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thùy C trình bày: Hiện nay, ông H đã trả cho ông H số tiền 250.000.000 đồng và ông H đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H xong. Đồng thời, do chị L và anh L có trả tiền lãi cho ông H được 02 tháng theo hợp đồng vay tiền ngày 27/02/2021 nên yêu cầu thời gian tính tiền lãi từ ngày 28/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị T trình bày: Bà T xác định vào ngày 28/4/2021 bà và ông H đứng ra để bảo lãnh để trả tiền thay cho chị L và anh L và có ký tên giấy bảo lãnh ngày 28/4/2021, nhưng bà và ông H chỉ bảo lãnh trả tiền có 01 tháng và ông bà cũng không có trả tiền cho ông H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho chị L, anh L và ông H biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của ông H. Nhưng chị L, anh L và ông H không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập và vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/11/2022; ngày 24/02/2023; phiên tòa ngày 12/5/2023 và phiên tòa ngày hôm nay. Mặc dù đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bảo lãnh là tranh chấp về giao dịch dân sự và hợp đồng dân sự; bị đơn chị L có nơi cư trú tại xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng

thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn chị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh L và ông H đều vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị L, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh L và ông H là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào ngày 27/02/2021, ông H có cho chị L vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất là 3% tháng (lãi suất chỉ thỏa thuận bằng lời nói). Đến ngày 27/4/2021, ông H tiếp tục cho chị L vay thêm số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất 3% tháng (lãi suất chỉ thỏa thuận bằng lời nói) và ngày 28/4/2021 chị L, anh L, ông H và bà T có làm giấy bảo lãnh cho ông H là có thật. Bởi, những sự việc này các đương sự có làm hợp đồng bằng văn bản, có công chứng và được các đương sự thừa nhận.

[2.2] Tại hợp đồng vay tiền ngày 27/02/2021 anh L không có ký tên. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho anh L biết yêu cầu của ông H đối với anh L, nhưng anh L không có ý kiến phản đối. Do đó, xét việc ông H yêu cầu anh L có trách nhiệm cùng với chị L trả nợ cho ông, theo hợp đồng vay tiền ngày 27/02/2021 là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét việc ông cho rằng do chị L và anh L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, theo hợp đồng vay tiền ngày 27/02/2021 nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L và anh L có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/6/2023 là 770 ngày, với mức lãi suất 10%/năm là 52.739.700 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 302.739.700 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại các Điều 463; 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.4] Tại giấy bảo lãnh ngày 28/4/2021 có nội dung: “ *TÔI TÊN: TRƯƠNG HÙNG LUÂN SN 07-01-1984, Long Phước, Long Hồ, Vĩnh Long (Chồng) Scm: 331491825*

TÔI TÊN: LÊ THỊ HỒNG LÝ S: 20/08/1994 ấp Tân Long, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, Vĩnh Long (vợ) 331726869

Vợ chồng tôi có mượn của ông Quang Văn Hoàng SN 1952, ấp Hưng Quới, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, Vĩnh Long số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để làm ăn. Mỗi ngày đóng lại 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Trong 50 ngày có sự đồng bảo lãnh của cha mẹ tôi.

CHA: TRƯƠNG VĂN HÙNG SN 1968 Long Phước, Long Hồ, Vĩnh Long. Số chứng minh: 330880699

MẸ; LÊ THỊ TÁM: SN 1964, Long Phước, Long Hồ, Vĩnh Long. SCM: 330765252

Nếu trong thời gian hàng ngày tôi không đóng hoặc đóng trễ cha và mẹ tôi sẽ thay tôi đóng số tiền trên mỗi ngày ./."

Xét việc bà T cho rằng bà và ông H chỉ bảo lãnh trả nợ thay cho chị L và anh L trong vòng 01 tháng, nhưng ông H không thừa nhận, bà Tám cũng không chứng minh được bà và ông H chỉ bảo lãnh nợ thay cho chị L và anh L trong vòng 01 tháng. Vì vậy, xét việc ông H yêu cầu ông H và bà T có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền vốn 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/6/2023 là 770 ngày, với mức lãi suất 10%/năm là 105.479.400 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 605.479.400 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 335 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.5] Đối với việc ông H và ông H thỏa thuận ông H có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 250.000.000 đồng và ông H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Hiện nay các đương sự đã thực hiện xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.6] Xét việc ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ông H có nghĩa vụ liên đới cùng với chị L và anh L trả cho ông H số tiền vốn 1.000.000.000 đồng (01 tỷ đồng) và tiền lãi là 450.000.000 đồng nên không xét.

[2.7] Về án phí sơ thẩm: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 335; 463; 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 24 và Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quang Văn H.
2. Buộc chị Lê Thị Hồng L và anh Trương Hùng L có nghĩa vụ trả cho ông Quang Văn H số tiền là 302.739.700 đồng (ba trăm lẻ hai triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm đồng); trong đó tiền vốn gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm

mười triệu đồng) và tiền lãi là 52.739.700 đồng (năm mươi hai triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm đồng).

3. Buộc ông Trương Văn H và bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Quang Văn H số tiền 605.479.400 đồng (sáu trăm lẻ năm triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm đồng); trong đó tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 105.479.400 đồng (một trăm lẻ năm triệu bốn trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1 Ông Quang Văn H được miễn tạm ứng án phí nên không có hoàn trả tạm ứng án phí.

4.2 Buộc chị Lê Thị Hồng L và anh Trương Hùng L phải chịu số tiền 15.136.900 đồng (mười lăm triệu một trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.3 Buộc ông Trương Văn H và bà Lê Thị T phải chịu số tiền 28.219.000 đồng (hai mươi tám triệu hai trăm mười chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Tấn Đồng

